

Số: 40 /2021/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 203/TTr-STNMT ngày 11 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Qu*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (T/h);
 - Văn phòng Chính phủ (B/c);
 - Website Chính phủ;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (B/c);
 - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (B/c);
 - TTTU, TT HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
 - CVP, các PCVP UBND tỉnh;
 - Đài PT-TH tỉnh; Báo Vĩnh Phúc;
 - Công TT-GT điện tử tỉnh;
 - Trung tâm Tin học-Công báo tỉnh;
 - CV: NCTH Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NN4.
- (H- b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khước

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND
ngày tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là các thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu được quy định chi tiết tại Điều 4 Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, gồm có:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai;
2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước;
3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản;
4. Thông tin, dữ liệu về môi trường;
5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn;
6. Thông tin, dữ liệu về đo đạc và bản đồ;

7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu;
8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám;
9. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;
11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;
12. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc (*sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh*) là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.
2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh phải phù hợp với khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Cụ thể như sau:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa;
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện;
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng;
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ;

8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các hành vi nghiêm cấm

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Lưu trữ năm 2011, Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Điều 8 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 7. Kinh phí thu thập, xử lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách Nhà nước cấp, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành Trung ương ban hành, xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan Tài chính thẩm định, trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ (*hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước*) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (*thuộc diện phải nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước*) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có trách nhiệm trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và giao nộp thông tin, dữ liệu Tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 9. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, cụ thể:

1. Lập kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng

a) Hàng năm các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, lập dự thảo kế hoạch điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, xây dựng kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán nhiệm vụ kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

b) Việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

c) Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc Danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan có thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật có trách nhiệm giao nộp các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường*).

đ) Hàng năm, các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm: Cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để tổng hợp. Cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu lên

công thông tin điện tử. Lập báo cáo thống kê theo quy định gửi UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để tổng hợp.

e) Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

- Giao nộp thông tin, dữ liệu; tiếp nhận thông tin, dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng theo quy định; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Quan trắc, điều tra, khảo sát.

- Nghiên cứu, dự báo;

- Tổng hợp, tạo lập thông tin, dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 10. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tại Điều 8 của Quy chế này có trách nhiệm giao nộp 01 bộ dữ liệu dạng giấy (*bản chính, bản gốc*) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường*) như sau:

- Trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày công việc kết thúc.

- Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ đối với dữ liệu môi trường, thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ và kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản.

Thành phần hồ sơ, tài liệu giao nộp gồm:

- Hồ sơ thực hiện theo thủ tục hành chính: Thành phần hồ sơ giao nộp gồm các tài liệu theo thành phần hồ sơ trong bộ thủ tục hành chính và các văn bản trung gian trong quá trình giải quyết đến khi hoàn thiện thủ tục hành chính.

- Hồ sơ không thực hiện theo thủ tục hành chính: Thành phần hồ sơ giao nộp thực hiện theo quy định cho từng lĩnh vực. Trường hợp không có quy định cụ thể thì hồ sơ giao nộp là toàn bộ văn bản, tài liệu có liên quan trong quá trình giải quyết.

2. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nộp phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp hoặc Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài

nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường*).

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập, cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường*) để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

5. Các đơn vị, doanh nghiệp có lắp đặt trạm quan trắc không khí, khí thải, nước tự động phải được lắp đặt thiết bị truyền dữ liệu để truyền trực tiếp kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, có trách nhiệm tự bảo quản các thiết bị dùng để truyền dữ liệu, đảm bảo tính chính xác và chi phí truyền thông.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Chương III TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu thu thập phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

3. Các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ thu thập và lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Điều 4, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ

thông tin Tài nguyên và Môi trường phục vụ việc lưu trữ, bảo quản, tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

Điều 13. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, cụ thể:

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì nhằm phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và hợp tác quốc tế. Cơ sở dữ liệu được tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý trực tiếp là Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện do Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tham mưu giúp UBND cấp huyện xây dựng, lưu trữ, quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

c) Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

d) Việc xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

2. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường: Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

d) Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu

tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

- Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần sao chép và lưu trữ theo quy định;

- Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 06 (sáu) tháng 01 (một) lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan;

- Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

Điều 14. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc cơ quan chủ quản làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Chương IV

CUNG CẤP, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Công bố Danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Quy trình xây dựng Danh mục thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc các ấn phẩm chuyên môn nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí

mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình UBND tỉnh công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 15, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ. Thời gian công bố trước 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 16. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu cung cấp.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Các tổ chức, cá nhân chỉ được phép khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường vào các mục đích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định sau:

a) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua mạng thông tin điện tử: Thực hiện theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

b) Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

c) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu tiếp nhận, kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu và thông báo nghĩa vụ tài chính.

3. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, cơ quan quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu hiện có cho tổ chức cá nhân. Thời gian cung cấp dữ liệu do các bên thỏa

thuận hoặc theo quy định. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

Điều 18. Cung cấp, khai thác cơ sở, thông tin, dữ liệu

1. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc bí mật nhà nước của các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 19. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các bộ, ngành và UBND cấp tỉnh; giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 22, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

3. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử thực hiện như sau:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (*phải qua các bước phân tích, xử lý*). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

b) Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc theo quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi

trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 5 Quy chế này;
2. Không được chuyển dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu;
3. Không được làm sai lệch dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;
4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 3, Điều 7 Quy chế này;
5. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp;
6. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình;
8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh

1. Thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ở địa phương. Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu hoặc có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu (*thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ*).

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 22. Bảo vệ quyền và bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Quy chế này.

3. Thực hiện giao nộp tài liệu cho cơ quan quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ngành và UBND cấp huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh, bao gồm:

a) Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của địa phương và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của Sở và của tỉnh; biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

c) Cung cấp Danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho các cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường thuộc cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường Quốc gia; cung cấp Danh mục dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường các tỉnh có ranh giới tiếp giáp với tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định;

d) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng cơ sở dữ liệu, Cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu tỉnh Vĩnh Phúc, các tỉnh, thành phố khác, các bộ, ngành và các cơ quan liên quan;

đ) Tổ chức lưu trữ, bảo quản, sử dụng và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

e) Ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Thực hiện thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh theo quy định;

f) Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

g) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực;

c) Hướng dẫn, giám sát việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định sự phù hợp của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Cung cấp danh mục và thông tin mô tả các chương trình, dự án lĩnh vực tài nguyên và môi trường sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Trình UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt để duy trì, nâng cấp hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định;

b) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc hàng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng;

c) Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh thực hiện:

a) Thu thập quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị theo nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định;

b) Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố theo quy định;

c) Xây dựng, tổng hợp Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị (*cập nhật theo năm*), trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường*) để tổng hợp;

d) Báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường*).

6. UBND các huyện, thành phố

a) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Chỉ đạo UBND cấp xã thu thập, giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định;

c) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố; hàng năm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) theo quy định;

d) Hàng năm, trước ngày 30 tháng 11, báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) theo quy định.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khước